

*Hà Nội, ngày 22 tháng 11 năm 2021*

## **DANH MỤC ĐỀ TÀI KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP KHOÁ 43**

1. Nguyên tắc tự do theo quy định của pháp luật dân sự Việt Nam
2. Năng lực chủ thể của cá nhân theo quy định của pháp luật dân sự Việt Nam
3. Hạn chế quyền dân sự theo quy định của pháp luật Việt Nam
4. Các mức độ năng lực hành vi dân sự của cá nhân theo quy định của pháp luật dân sự Việt Nam
5. Tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật Việt Nam
6. Tuyên bố chết theo quy định của pháp luật dân sự Việt Nam
7. Giám hộ theo quy định của pháp luật dân sự Việt Nam
8. Nơi cư trú của cá nhân theo quy định của pháp luật dân sự Việt Nam
9. Trách nhiệm dân sự của pháp nhân theo quy định của pháp luật dân sự Việt Nam
10. Các tổ chức không có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật dân sự Việt Nam
11. Quyền thay đổi họ, tên của cá nhân theo quy định của pháp luật dân sự Việt Nam
12. Quyền được khai sinh, khai tử theo quy định của pháp luật dân sự Việt Nam
13. Quyền được bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín
14. Quyền hiến, nhận mô, bộ phận cơ thể người và hiến, lấy xác
15. Quyền chuyển đổi giới tính theo quy định của pháp luật dân sự Việt Nam
16. Quyền xác định lại giới tính theo pháp luật dân sự Việt Nam
17. Quyền của cá nhân đối với hình ảnh theo quy định của pháp luật dân sự Việt Nam
18. Quyền an tử theo quy định của pháp luật dân sự Việt Nam
19. Quyền được bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khoẻ theo quy định của pháp luật dân sự Việt Nam
20. Quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình
21. Tài sản mới và việc công nhận tài sản mới theo pháp luật Việt Nam
22. Tài sản hình thành trong tương lai theo pháp luật dân sự Việt Nam

23. Điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự
24. Giao dịch dân sự vi phạm sự tự nguyện theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015
25. Giao dịch dân sự có điều kiện theo quy định của pháp luật Việt Nam
26. Giải thích giao dịch dân sự theo quy định của pháp luật dân sự Việt Nam
27. Giao dịch dân sự được xác lập một cách giả tạo và hậu quả pháp lý
28. Giao dịch dân sự được xác lập mà vi phạm quy định bắt buộc về hình thức
29. Hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu
30. Bảo vệ quyền lợi của người thứ ba ngay tình khi giao dịch dân sự vô hiệu
31. Đại diện theo pháp luật theo quy định của pháp luật Việt Nam
32. Đại diện theo uỷ quyền theo quy định của pháp luật Việt Nam
33. Thời hiệu theo quy định của pháp luật Việt Nam
34. Sự kiện bất khả khả theo quy định của pháp luật Việt Nam
35. Thời hiệu hưởng quyền dân sự theo quy định của pháp luật Việt Nam
36. Chiếm hữu theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015
37. Hạn chế quyền sở hữu theo quy định của pháp luật Việt Nam
38. Các phương thức bảo vệ quyền sở hữu theo quy định của pháp luật Việt Nam
39. Quyền đòi lại tài sản theo quy định của pháp luật Việt Nam
40. Quyền đối với bất động sản liền kề theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015
41. Quyền về lối đi qua bất động sản liền kề theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015
42. Quyền hưởng dụng theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015
43. Quyền bề mặt theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015
44. Sở hữu chung theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015
45. Sở hữu chung của vợ chồng theo quy định của pháp luật Việt Nam
46. Chuyển giao quyền yêu cầu theo quy định của pháp luật Việt Nam
47. Chuyển giao nghĩa vụ theo quy định của pháp luật Việt Nam
48. Nghĩa vụ liên đới theo quy định của pháp luật Việt Nam
49. Nghĩa vụ riêng rẽ theo quy định của pháp luật Việt Nam
50. Tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật Việt Nam

51. Phạm vi bảo đảm theo quy định của pháp luật Việt Nam
52. Đăng ký biện pháp bảo đảm theo quy định của pháp luật Việt Nam
53. Xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật Việt Nam
54. Thứ tự ưu tiên thanh toán khi xử lý tài sản bảo đảm
55. Hiệu lực đối kháng của biện pháp bảo đảm theo quy định của pháp luật Việt Nam
56. Cầm cố tài sản theo quy định của pháp luật Việt Nam
57. Cố cố tài sản tại cửa hàng cầm đồ theo quy định của pháp luật Việt Nam
58. Thế chấp nhà ở hình thành trong tương lai theo quy định của pháp luật dân sự
59. Thế chấp tài sản để bảo đảm nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng theo quy định của pháp luật dân sự
60. Thế chấp nhà ở hình thành trong tương lai theo quy định của pháp luật dân sự
61. Đặt cọc theo quy định của pháp luật Việt Nam
62. Ký quỹ theo quy định của pháp luật Việt Nam
63. Ký cược theo quy định của pháp luật Việt Nam
64. Cầm giữ tài sản theo quy định của pháp luật Việt Nam
65. Bảo lưu quyền sở hữu theo quy định của pháp luật Việt Nam
66. Bảo lãnh theo quy định của pháp luật Việt Nam
67. Bảo lãnh liên đới theo quy định của pháp luật Việt Nam
68. Tín chấp theo quy định của pháp luật Việt Nam
69. Căn cứ loại trừ trách nhiệm do vi phạm nghĩa vụ
70. Lỗi trong trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật Việt Nam
71. Giao kết hợp đồng theo quy định của pháp luật Việt Nam
72. Giải thích hợp đồng theo quy định của pháp luật Việt Nam
73. Hợp đồng theo mẫu theo quy định của pháp luật Việt Nam
74. Hợp đồng vì lợi ích của người thứ ba theo quy định của pháp luật Việt Nam
75. Hợp đồng có điều kiện theo quy định của pháp luật Việt Nam
76. Điều kiện giao dịch chung trong giao kết hợp đồng
77. Hiệu lực của hợp đồng theo quy định của pháp luật Việt Nam
78. Thời điểm có hiệu lực của hợp đồng theo quy định của pháp luật Việt Nam

79. Phạt vi phạm hợp đồng theo quy định của pháp luật Việt Nam
80. Thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản theo quy định của pháp luật Việt Nam
81. Huỷ bỏ hợp đồng theo quy định của pháp luật Việt Nam
82. Đơn phương chấm dứt hợp đồng theo quy định của pháp luật Việt Nam
83. Hợp đồng mua bán nhà ở theo quy định của pháp luật Việt Nam
84. Hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng mua bán nhà ở hình thành trong tương lai
85. Hợp đồng mua bán quyền đòi nợ theo quy định của pháp luật Việt Nam
86. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở theo quy định của pháp luật Việt Nam
87. Hợp đồng mua bán tài sản có thoả thuận chuộc lại theo quy định của pháp luật Việt Nam
88. Mua trả chậm, trả dần theo quy định của pháp luật Việt Nam
89. Hợp đồng tặng cho có điều kiện theo quy định của pháp luật Việt Nam
90. Hợp đồng tặng cho nhà ở theo quy định của pháp luật Việt Nam
91. Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật dân sự Việt Nam
92. Hợp đồng vay tiền theo quy định của pháp luật Việt Nam
93. Lãi trong hợp đồng vay tài sản theo quy định của pháp luật Việt Nam
94. Hợp đồng thuê khoán tài sản theo quy định của pháp luật Việt Nam
95. Hợp đồng thuê nhà ở theo quy định của pháp luật Việt Nam
96. Hợp đồng dịch vụ tư vấn pháp lý theo quy định của pháp luật Việt Nam
97. Hợp đồng gia công theo quy định của pháp luật Việt Nam
98. Hợp đồng vận chuyển hành khách theo quy định của pháp luật Việt Nam
99. Hợp đồng gửi giữ tài sản theo quy định của pháp luật Việt Nam
100. Hợp đồng uỷ quyền theo quy định của pháp luật dân sự Việt Nam
101. Hợp đồng uỷ quyền về nhà ở theo quy định của pháp luật Việt Nam
102. Hứa thưởng theo quy định của pháp luật Việt Nam
103. Điều kiện phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng
104. Yếu tố lỗi trong trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng

105. Nguyên tắc bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng
106. Năng lực chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng
107. Xác định thiệt hại do tài sản bị xâm phạm
108. Xác định thiệt hại do sức khoẻ bị xâm phạm
109. Xác định thiệt hại do tính mạng bị xâm phạm theo pháp luật dân sự Việt Nam
110. Xác định thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm
111. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng
112. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết
113. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại do người dùng chất kích thích gây ra
114. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại do người của pháp nhân gây ra
115. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại do người chưa thành niên gây ra
116. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại do người mất năng lực hành vi dân sự gây ra
117. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại do xâm phạm thi thể, mồ mả
118. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm quyền lợi người tiêu dùng
119. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra
120. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại do động vật gây ra
121. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nhà cửa, công trình xây dựng khác gây ra
122. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại do làm ô nhiễm môi trường
123. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sản xuất, kinh doanh thực phẩm không bảo đảm chất lượng gây ra
124. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại của chủ sở hữu do tài sản gây ra
125. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tinh thần theo quy định của pháp luật Việt Nam

***LUU Ý: Sinh viên có thể lựa chọn đề tài khác ngoài danh mục các đề tài do Bộ môn gợi ý nếu được người hướng dẫn đồng ý.***

Sinh viên đăng ký bằng cách bấm vào đường link hoặc mã Qr.code dưới đây:

[https://docs.google.com/document/d/1r\\_x5BODrVefim0hcwRkBQQsO-w0y2w1-rmnO2dx2qE4/edit?usp=sharing](https://docs.google.com/document/d/1r_x5BODrVefim0hcwRkBQQsO-w0y2w1-rmnO2dx2qE4/edit?usp=sharing)



**BỘ MÔN LUẬT DÂN SỰ  
PHÓ TRƯỞNG BỘ MÔN**

**TS. Nguyễn Văn Hợi**